

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai công trình cầu Mọ, bắc qua sông Cầu Chày trên địa bàn xã Xuân Tín, tỉnh Thanh Hoá.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/04/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 3281/QĐ-UBND ngày 14/10/2025 công bố tình huống khẩn cấp thiên tai đối với hư hỏng cầu Mọ bắc qua sông Cầu Chày trên địa bàn xã Xuân Tín, tỉnh Thanh Hóa; số 3704/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp công trình Cầu Mọ, bắc qua sông Cầu Chày trên địa bàn xã Xuân Tín, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 3482/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND tỉnh phê duyệt kinh phí hỗ trợ kinh phí khắc phục hậu quả bão số 10 và đợt thiên tai từ đầu năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 12033/TTr-SXD ngày 24/12/2025 về việc phê duyệt dự án Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai công trình cầu Mọ, bắc qua sông Cầu Chày trên địa bàn xã Xuân Tín, tỉnh Thanh Hoá (Kèm theo báo cáo thẩm định số 11993/SXD-HĐXD ngày 23/12/2025).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai công trình cầu Mọ, bắc qua sông Cầu Chày trên địa bàn xã Xuân Tín, tỉnh Thanh Hoá, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai công trình cầu Mọ, bắc qua sông Cầu Chày trên địa bàn xã Xuân Tín, tỉnh Thanh Hoá.

2. Mã số thông tin công trình: 8167516.

3. Địa điểm xây dựng: Trên địa phận xã Xuân Tín, tỉnh Thanh Hóa.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa.

6. Nhà thầu khảo sát và lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại Đại Việt và Viện Quy hoạch thủy lợi.

7. Loại, nhóm dự án, loại và cấp công trình chính; thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế:

- Nhóm dự án: Nhóm C.

- Loại và cấp công trình chính: Công trình giao thông, cầu cấp III.

- Thời hạn sử dụng của công trình chính: Thời hạn sử dụng 100 năm, theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11823:2017- Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ.

8. Mục tiêu xây dựng công trình:

Khắc phục hậu quả thiên tai do ảnh hưởng của cơn bão số 10 năm 2025 cuốn trôi công trình cầu Mọ trên địa bàn xã Xuân Tín, tỉnh Thanh Hoá để đảm bảo nhanh chóng giải quyết tình trạng đứt gãy giao thông, sớm kết nối lại mạng lưới giao thông trong khu vực, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân lưu thông qua hai bên bờ sông Cầu Chày thuộc xã Xuân Tín, hỗ trợ phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trong khu vực

9. Quy mô đầu tư:

- Phần cầu: Xây dựng mới 01 cầu có chiều rộng $B_c = (0,5 + 7 + 0,5)m = 8,0m$; thiết kế theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11823: 2017 “Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ”; kết cấu bằng bê tông cốt thép và bê tông cốt thép dự ứng lực; tải trọng thiết kế HL93, người đi bộ $3 \times 10^{-3} \text{Mpa}$; tần suất thủy văn tính toán $P=1\%$; sông không thuyền, không có cây trôi.

- Phần đường hai đầu cầu: Xây dựng mới đạt quy mô đường cấp V đồng bằng. Thiết kế theo TCVN 4054-2005 (Đường ô tô - yêu cầu thiết kế), có vận tốc thiết kế $V_{tk}=40\text{km/h}$, chiều rộng nền đường $B_n=7,5\text{m}$, mặt đường và gia cố lề $B_m=6,5\text{m}$.

10. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

10.1. Cầu Mọ:

(1). Vị trí: Xây dựng cầu mới phía thượng lưu cầu cũ, cách cầu cũ khoảng 20m, thuộc địa phận xã Xuân Tín.

(2). Cắt dọc cầu: Cầu nằm trên đường thẳng có độ dốc 0%, cơ bản vuông góc với dòng chảy, độ dốc dọc đường hai đầu cầu về hai phía $i_d=0\%$, độ dốc ngang mặt cầu hai mái $i_n=2\%$.

(3). Kết cấu cầu:

Gồm 05 nhịp, sơ đồ nhịp $5 \times 33\text{m}$, chiều dài cầu tính đến đuôi mố $L=183,4\text{m}$.

- Dầm I33m, cấu tạo bằng BTCT DUL 40MPa, chiều cao $h=1,65\text{m}$; mặt cắt ngang gồm 04 dầm, khoảng cách các dầm $a=2,0\text{m}$; liên kết giữa các dầm chủ bằng 05 dầm ngang BTCT 30MPa.

- Bản mặt cầu và bản liên tục nhiệt tại các trụ bằng BTCT 30MPa, chiều dày $h_{\min}=20\text{cm}$, phủ bản mặt cầu bằng bê tông nhựa (BTN) C16 dày 7cm, tưới nhựa dính bám $0,5\text{kg/m}^2$, chống thấm mặt cầu bằng dạng dung dịch.

- Gối cầu sử dụng gối cao su bản thép; khe co giãn răng lược bằng thép dạng răng lược.

- Gờ lan can và bộ đỡ cột điện bằng BTCT 25MPa; lan can tay vịn bằng thép mạ kẽm; thoát nước mặt cầu bằng ống nhựa PVC, cửa thu nước và nắp chắn rác bằng gang đúc.

(4). Kết cấu phần dưới:

- Mố M1 và M2: Cấu tạo giống nhau, dạng chữ U bằng BTCT 30MPa, đặt trên hệ 05 cọc khoan nhồi bằng BTCT 30MPa, đường kính D1,2m.

- Trụ cầu:

+ Các trụ T1, T3, T4: Dạng trụ dẹt, mỗi trụ có 02 cọc khoan nhồi bằng BTCT 30MPa, đường kính D1,2m; xà mũ trụ bằng BTCT 30MPa.

+ Trụ T2: Dạng trụ đặc thân hẹp hai đầu tròn, bằng BTCT 30MPa, đặt trên hệ 04 cọc khoan nhồi bằng BTCT 30MPa, đường kính D1,2m.

- Bản quá độ sau mố bằng BTCT 25MPa.

(5). Đường đầu cầu: Kết cấu nền, mặt đường như tuyến chính; tứ nón và mái taluy 10m đường đầu cầu được gia cố bằng BTXM M200 dày 15cm; chân khay bằng BTXM M150; bậc lên xuống bố trí hai bên bằng BTXM M200.

(6). Gia cố đê: Phạm vi gia cố từ tim cầu về mỗi phía khoảng 15m; gia cố mái đê bằng khung bê tông M250; trong khung bê tông bố trí các tấm ốp BTCT có mỗi nổi âm dương dày 16cm, lót đá dăm đệm 10cm và lớp vải địa kỹ thuật $R \geq 12 \text{ kN/m}$; chân khay bằng BT M150 trên nền gia cố cọc tre mật độ 16 cọc/ m^2 .

(7). Cầu cũ: Thực hiện trục vớt, thanh thải cầu cũ và đường đầu cầu để đảm bảo thông thoáng, thoát lũ dòng chảy sông cầu Chày.

10.2. Đường hai đầu cầu:

(1). Bình đồ tuyến: điểm đầu Km0+00, giao với ĐT.518C tại Km24+500, tuyến đi qua bãi sông, vượt sông cầu Chày, giao với đê hữu khoảng K0+400 (cách cầu cũ về phía thượng lưu khoảng 20m); điểm cuối Km0+700, đầu nối vào đường thôn 2, xã Xuân Tín.

Chiều dài tuyến khoảng 0,7km, trong đó, cầu dài 183,4m, đường hai đầu cầu dài 516,6m (đường đầu cầu phía M1 khoảng 120m, phía mố M2 khoảng 396,6m); tuyến có 03 đường cong nằm, bán kính $R_{\min} = 250 \text{ m}$.

(2). Cắt dọc: Cao độ đường đồ thiết kế trên cơ sở địa hình, tần suất thủy văn tính toán, cao độ đường cũ hiện trạng. Độ dốc dọc lớn nhất $i_{\max} = 4,0\%$.

(3). Cắt ngang:

- Chiều rộng nền đường $B_n = 7,5 \text{ m}$; mặt đường và lề gia cố $B_m = 6,5 \text{ m}$; lề đất $B_{ld} = 2 \times 0,5 \text{ m} = 1,0 \text{ m}$.

- Độ dốc ngang mặt đường hai mái $i = 2\%$, lề đất $i_l = 4\%$, trong đường cong được điều chỉnh theo bán kính cong.

(4). Nền đường:

- Tuyến đi qua vùng đồng trũng, toàn tuyến là nền đắp, chiều cao đắp từ (3-8)m.

- Nền đắp bằng đất đồi, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, trước khi đắp đào bỏ lớp đất không thích hợp, với chiều dày (30-50)cm, cục bộ đoạn Km0+305-Km0+430 dài 194m do chiều cao nền đắp $> 7 \text{ m}$ nên chiều dày đào khoảng 4m; đắp trả bằng đất đồi đạt độ chặt $K \geq 0,95$, lớp đất sát đáy kết cấu áo đường dày 50cm đạt độ chặt $K \geq 0,98$.

- Độ dốc mái taluy đắp 1/1,5 đối với chiều cao đắp $H < 6 \text{ m}$; đối với đoạn có chiều $H > 6 \text{ m}$ có bậc thêm rộng 2m và dốc ra ngoài $i = 10\%$. Gia cố mái taluy phần hai đầu cầu và mặt bậc bằng BTXM M200 dày 15cm, chân khay bằng BTXM M150; phía trên bậc thêm và còn lại gia cố bằng trồng cỏ.

(5). Kết cấu áo đường:

Kết cấu áo đường mềm có mô đun đàn hồi $E_{yc} \geq 110 \text{ MPa}$, cụ thể:

- Phần mặt đường làm mới và mở rộng (KC1): BTN C16 dày 6cm, tưới nhựa thấm bảm $1,0 \text{ kg/m}^2$; móng trên bằng CPDD loại I dày 12cm, móng dưới bằng CPDD loại II dày 15cm.

- Phần mặt đường tăng cường trên đường cũ (KC2): BTN C16 dày 6cm, tưới nhựa dính bám $0,5\text{kg/m}^2$ đối với bù vênh bằng BTN hoặc tưới nhựa thấm bám $1,0\text{kg/m}^2$ đối với bù vênh bằng móng CPDD.

(6). Nút giao, đường ngang dân sinh và đường vòng đê:

- Nút giao: nút giao đầu tuyến Km0+00, giao với ĐT.518C tại Km24+500 (bên phải tuyến), dạng ngã tư, bán kính các nhánh rẽ $R=(16-35)\text{m}$. Kết cấu áo đường sử dụng KC1 và KC2. Tổ chức giao thông trong nút giao bằng vạch sơn, biển báo....

- Đường ngang dân sinh: có 05 đường ngang thiết kế vuốt nối đảm bảo êm thuận về mặt đường hiện trạng.

- Đường vòng đê hữu sông cầu Chày: chiều rộng nền đường $B_n=6\text{m}$, mặt đường $B_m=5\text{m}$ (theo quy hoạch đê) đi dưới nhịp cầu số 5.

Kết cấu áo đường đoạn vuốt nối đường ngang dân sinh và đường vòng đê (KC3): Mặt đường bằng BTXM M300 dày 22cm, lót nilong tái sinh; móng bằng CPDD loại I dày 15cm.

(7). Công trình thoát nước:

a) Thoát nước ngang: Thiết kế 04 cống, gồm: xây dựng mới 02 cống bản 3,4m (để kết hợp tiêu thoát lũ và kết hợp làm đường qua lại hai bên phục vụ sản xuất nông nghiệp) và 01 cống bản 1,25m; nối dài 01 cống tròn D1,0m.

Kết cấu cống: Cống bản móng, chân khay, tường thân bằng BTCT M200; mũ mố, bản quá độ bằng BTCT M250; tấm bản, lan can bằng BTCT M300. Cống tròn ống cống bằng BTCT M200; móng bằng BTXM M150; gia cố thượng lưu bằng BTXM M150; móng cống các loại đặt trên nền đất đã được xử lý.

b) Thoát nước dọc:

- Thoát nước mặt bằng chảy tỏa và rãnh dọc.

- Tại nút giao Km0+00, trên nhánh ĐT.518C có dân cư, thiết kế rãnh kín chịu lực, tiết diện chữ nhật, chiều rộng lòng rãnh $B=0,5\text{m}$, chiều cao thay đổi theo địa hình; cấu tạo thân và đáy rãnh bằng BTCT M250 dày 15cm; nắp bằng BTCT M300 dày 15cm. Hồ thu kết cấu như kết cấu rãnh, cao độ đáy hồ thu thấp hơn đáy rãnh 30cm.

- Tại cuối tuyến bố trí rãnh dọc gia cố tiết diện hình thang, kích thước $(0,4+1,2)\times 0,4\text{m}$ bằng BTXM M200.

(8). Bó vỉa và đan rãnh: Thiết kế tại đoạn làm rãnh dọc trên ĐT.518C.

- Bó vỉa bằng BTXM M300 kích thước $(26\times 20,5\times 100)\text{cm}$, móng BTXM M150 dày 10cm.

- Đan rãnh bằng BTXM M300 kích thước $(30\times 50\times 5)\text{cm}$, đặt trên lớp móng BTXM M150.

(9). Hệ thống an toàn giao thông đường bộ: Bố trí tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

(Chi tiết có hồ sơ thiết kế cơ sở kèm theo).

11. Số bước thiết kế, quy chuẩn, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu:

- Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

- Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng: Chấp thuận danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho dự án theo Báo cáo thẩm định tại Văn bản số 11993/SXD-HĐXD ngày 23/12/2025 của Sở Xây dựng; giao Chủ đầu tư chủ động cập nhật quy chuẩn, tiêu chuẩn mới được cấp có thẩm quyền ban hành trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

12. Tổng mức đầu tư xây dựng phê duyệt là: **70.000.000.000 đồng.**

(Bằng chữ: Bảy mươi tỷ đồng).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:	3.560.000.000 đồng.
- Chi phí xây dựng:	58.541.430.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	968.128.000 đồng.
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	4.111.284.000 đồng.
- Chi phí khác:	1.260.442.000 đồng.
- Chi phí dự phòng:	1.558.716.000 đồng.

(Chi tiết có phụ lục Tổng mức đầu tư kèm theo).

13. Nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn: Theo Quyết định số 3482/QĐ-UBND ngày 04/11/2025 của UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ kinh phí khắc phục hậu quả bão số 10 và các đợt thiên tai từ đầu năm 2025.

14. Thời gian thực hiện dự án: Hoàn thành dự án trong Quý 3 năm 2026; riêng công trình cầu Mọ phải đảm bảo thông xe kỹ thuật trước ngày 01/7/2026.

15. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư

- Phạm vi giải phóng mặt bằng: Đảm bảo đủ phần đất để xây dựng và bảo vệ, bảo trì của đường bộ theo Điều 10, Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

- Phương án tổ chức thực hiện: Giao UBND xã Xuân Tín tổ chức thực hiện theo quy định.

16. Hình thức quản lý dự án: Áp dụng hình thức quản lý dự án là Chủ đầu tư sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Giao Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa (Chủ đầu tư) tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về hoạt động đầu tư xây dựng; trong bước tiếp theo có trách nhiệm thực hiện đầy đủ kiến nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 11993/SXD-HĐXD ngày 23/12/2025 và ý kiến của các sở, ngành liên quan.
- Sở Xây dựng, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán...) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ dự án thẩm định, trình phê duyệt.
- UBND xã Xuân Tín tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật.
- Giao Chủ đầu tư trực tiếp làm chủ đầu tư dự án giải phóng mặt bằng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; Chủ tịch UBND xã Xuân Tín và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (V).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
Dự án Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai công trình cầu Mọ, bắc qua sông Cầu
Chày trên địa bàn xã Xuân Tín, tỉnh Thanh Hoá
(Kèm theo Quyết định số: _____ /QĐ-UBND ngày ____ / ____/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Khoản mục chi phí	Phương pháp xác định	Giá trị (đồng)
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	Khái toán và được UBND xã Xuân Tín thống nhất tại văn bản số 1083/UBND-KT ngày 20/12/2025	3.560.000.000
II	Chi phí xây dựng	Cộng 1 - 5	58.541.430.000
1	Xây dựng cầu	Dự toán chi tiết	34.737.856.000
2	Đường đầu cầu		21.307.106.000
3	Nút giao		1.998.440.000
4	Gia cố mái đê		411.629.000
5	Phá dỡ cầu cũ		86.399.000
III	Chi phí quản lý dự án	2,254% x0,8x 53.689.442.465	968.128.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Cộng 1 - 13	4.111.284.000
	Bước chuẩn bị đầu tư:		
1	Khảo sát bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (NCKT)	Quyết định số 193/QĐ-BQLDA ngày 2/12/2025 của Ban QLDA	493.451.000
2	Thiết kế và cắm cọc GPMB, mốc lộ giới		34.947.000
3	Lập báo cáo nghiên cứu khả thi + Mô hình hoá tính toán thủy lực, thủy văn cầu		861.165.000
4	Lập đề cương nhiệm vụ khảo sát bước lập Báo cáo NCKT	Quyết định số 174/QĐ-BQLDA ngày 28/11/2025 của Ban QLDA	33.634.000
5	Giám sát công tác khảo sát bước lập Báo cáo NCKT		19.878.000
	Bước thực hiện đầu tư:		
6	Khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công (BVTC) & dự toán		
-	Khảo sát bước lập BVTC	Khái toán	527.169.000
-	Thiết kế BVTC và dự toán		
+	Phần cầu	1,162% x1,08x 31.903.817.736	400.380.000
+	Phần đường và các hạng mục còn lại	1,073% x1,08x 21.785.624.729	252.461.000
7	Lập đề cương nhiệm vụ khảo sát bước BVTC	3,00% x 488.119.444	14.644.000

TT	Khoản mục chi phí	Phương pháp xác định			Giá trị (đồng)
8	Giám sát công tác khảo sát bước BVTC	4,072%	x	488.119.444	19.876.000
9	Khảo sát, lập phương án, báo cáo kết quả khảo sát rà phá bom mìn, vật nổ	3,00%	x	134.180.000	4.025.000
10	Giám sát thi công rà phá bom mìn, vật nổ	3,203%	x	134.180.000	4.298.000
11	Thẩm tra xây dựng				
-	<i>Thẩm tra thiết kế xây dựng</i>	0,111%	x1,08x	53.689.442.465	64.363.000
-	<i>Thẩm tra dự toán công trình</i>	0,104%	x1,08x	53.689.442.465	60.304.000
12	Giám sát thi công xây dựng	2,309%	x	53.689.442.465	1.239.689.000
13	Thẩm tra ATGT trước khi đưa vào sử dụng				81.000.000
V	Chi phí khác	Cộng 1 - 12			1.260.442.000
1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	0,014%	x0,5x	70.000.000.000	4.900.000
3	Phí thẩm định thiết kế BVTC	0,071%	x0,5x	53.689.442.465	19.060.000
4	Phí thẩm định dự toán xây dựng	0,067%	x0,5x	53.689.442.465	17.986.000
5	Rà phá bom mìn, vật nổ (Thi công rà phá bom mìn, vật nổ)	3,35 ha	x	40 triệu đồng/ha	134.180.000
6	Kiểm toán độc lập	0,408%	x1,08x	70.000.000.000	308.448.000
7	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,261%	x0,5x	70.000.000.000	91.350.000
8	Bảo hiểm công trình				
-	<i>Phần cầu</i>	0,60%	x1,08x	31.903.817.736	206.737.000
-	<i>Phần đường</i>	0,25%	x1,08x	21.782.624.729	58.821.000
9	Đảm bảo ATGT đường bộ phục vụ thi công	Dự toán chi tiết			55.733.000
10	Thuê mặt bằng phục vụ thi công cầu				32.400.000
11	Máy phát điện phục vụ thi công				324.629.000
12	Kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng trong quá trình thực hiện	0,50%	x	1.239.689.000	6.198.000
VI	Chi phí dự phòng (cho yếu tố khối lượng phát sinh)	2,277%	x	68.441.284.000	1.558.716.000
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ		(I+II+III+IV+V+VI)			70.000.000.000